TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2022

V/v *" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Đức Hùng.

2. Ông Nguyễn Trần Trường.

Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện VKSND thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/09/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 08 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/09/2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1979 (Có mặt);

Trú tại: Khu T2 Trường Cao Đẳng công nghiệp HY, phường ĐK, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1960 (Xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Xóm Tự, khu phố DS, phường TS, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/06/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bầy thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và ông Nguyễn Tiến T kết hôn ngày 05/01/2011, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, sau đó cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Sơn (Nay là phường Tam Sơn). Sau khi kết hôn, vợ chồng chị có về chung sống với nhau luôn, nhưng vợ chồng chị ăn riêng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 01 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, ngoài ra ông T còn ham mê rượu chè, cờ bạc dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2013 vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng chị không còn tình cảm. Chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn xem xét cho chị được ly hôn ông Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên cháu là Nguyễn Tiến B, sinh ngày 12/01/2012. Hiện cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung. Chi phí cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị Tr làm nghề tự do, thu nhập 12.000.000 đồng/01 tháng. Do vậy, chị đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Tiến T đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị vắng mặt nhưng lời khai ông T có trong hồ sơ vụ án, ông T trình bầy như sau: Ông T xác nhận, công nhận phần trình bầy của chị Tr về quan hệ vợ chồng và điều kiện kết hôn là đúng. Ông kết với chị Tr vào ngày 05/01/2011. Trong cuộc sống, ông T xác nhận vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn. Đến năm 2013 vợ chồng ông sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Tr đề nghị ly hôn, ông thấy rằng hiện cuộc sống vợ chồng sống không còn hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên cháu là Nguyễn Tiến B, sinh ngày 12/01/2012. Hiện cháu đang ở với mẹ. Ly hôn ông đồng ý để chị Tr tiếp tục nuôi con chung. Chi phí cấp dưỡng nuôi con chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Nguyễn Tiến Tý.

Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc Tr có 01 con chung tên cháu là Nguyễn Tiến Bắc, sinh ngày 12/01/2012. Hiện cháu đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi con. Chi phí cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị Tr làm nghề tự do. Thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/01 tháng. Do vậy, chị có đủ khả năng để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 232, 235, 262, 266, 271, 273 BLTTDS năm 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr được ly hôn với ông Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Giao cháu là Nguyễn Tiến B, sinh ngày 12/01/2012 cho chị Trâm trực tiếp nuôi dưỡng. Về chi phí cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn hiện ở khu phố Tam sơn, phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm và ông Nguyễn Tiến Tý đăng ký kết hôn ngày 05/01/2011 tại UBND xã Tam Sơn (nay là phường Tam Sơn), thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn chị Tr và ông T có được tự do, tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Xét thấy, đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trâm và ông T là có thật và nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nhưng không được các bên giải quyết triệt để dẫn đến quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, hiện vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T vì vợ chồng không còn tình cảm. Ông Tý thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không lớn. Hiện vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị Tr đề nghị ly hôn ông T đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ

theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Trâm với ông Nguyễn Văn Tý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến B, sinh ngày 12/01/2012. Ly hôn, chị Tr đề nghị được nuôi con và ông Tý đồng ý để chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét việc giao con chung cho ai cần phải đảm bảo việc học tập, sinh hoạt, phát triển về thể chất và tinh thần của con và cũng cần xem xét theo nguyện vọng của con. Cho nên cần ghị nhận ý kiến của chị Tr, ông T và cũng là nguyện vọng của cháu B. Do vậy, Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến B, sinh ngày 12/01/2012 là phù hợp quy định pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Tr, ông T không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 147, 232, 235, 262, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr được ly hôn ông Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến B, sinh ngày 12/01/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do các đương sự không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Ngọc Tr đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2021/0003730 ngày 11/08/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhân:
- Toà án tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thành phố Từ Sơn.
- Người tham gia tố tụng khác.
- THA thành phố Từ Sơn.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Phương